CHƯƠNG XI
MƯỜI MỘT PHÁP (*EKĀDASAKANIPĀTA*)

I. PHẨM Y CHỈ
(*NISSAYAVAGGA*)

I. KINH CÓ LỢI ÍCH GÌ (*Kimatthiyasutta*)[1] (*A*. V. 311)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc.

– Nhưng bạch Thế Tôn, không hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

– Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.

– Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.

– Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc.

– Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.

– Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.

– Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán.

– Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham.

– Nhưng bạch Thế Tôn, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

---

[1] Tham chiếu: *Hà nghĩa kinh* 何義經 (*T*.01. 0026.42. 0485a13).

– Này Ānanda, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.

Như vậy, này Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán. Nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham. Ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ānanda, các thiện giới thứ lớp dẫn đến tối thượng.

II. KINH NGHĨ VỚI DỤNG Ý (*Cetanākaraṇīyasutta*)[2] (*A*. V. 312)

2. (Như kinh 2, chương Mười pháp, chỉ khác "nhàm chán ly tham" chia thành 2 ý, nên thành 11 pháp).

III. KINH SỞ Y THỨ NHẤT (*Paṭhamaupanisāsutta*)[3] (*A*. V. 313)

3. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp[4] chỉ khác "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý).

IV. KINH SỞ Y THỨ HAI (*Dutiyaupanisāsutta*)[5] (*A*. V. 315)

4. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp[6] chỉ khác ở đây là "Tôn giả Sāriputta thuyết" và "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý).

V. KINH SỞ Y THỨ BA (*Tatiyaupanisāsutta*)[7] (*A*. V. 316)

5. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp, chỉ khác ở đây là "Tôn giả Ānanda thuyết" và "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý, nên thành 11 pháp).

VI. KINH TAI HỌA (*Byasanasutta*) (*A*. V. 317)

6. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắng nhiếc, chỉ trích, quở trách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội rằng người ấy không gặp một trong mười một tai họa. Thế nào là mười một? Không chứng điều chưa chứng; đã chứng được thời mất đi; Diệu pháp không

---

[2] Tham chiếu: *Bất tư kinh* 不思經 (*T*.01. 0026.43. 0485b19).

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Lacking Basic* (a) (*by the Teacher*), nghĩa là *Không đủ điều kiện căn bản* (a) (*do bậc Đạo sư thuyết*). Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-a21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[4] Xem *A*. V. 4.

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Lacking Basic* (b) (*by Sāriputta*), nghĩa là *Không đủ điều kiện căn bản* (b) (*do Tôn giả Sāriputta thuyết*).

[6] Xem *A*. V. 5.

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Lacking Basic* (c) (*by Ānanda*), nghĩa là *Không đủ điều kiện căn bản* (c) (*do Tôn giả Ānanda thuyết*).

được tỏ rõ; hay là tự kiêu trong Diệu pháp; hay là không hoan hỷ sống Phạm hạnh; hay phạm một tội ô uế; hay từ bỏ Phạm hạnh và hoàn tục; hay là thọ bệnh nặng; hay là đạt đến điên cuồng loạn tâm; hay là bất tỉnh khi mệnh chung; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắng nhiếc, chỉ trích, quở trách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội rằng người ấy không gặp một trong mười một tai họa này.

VII. TƯỞNG KINH (*Saññāsutta*) (*A*. V. 318)

7. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng bạch Thế Tôn, như thế nào một vị Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy có thể không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, vị Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn, rồi đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng thưa Tôn giả Sāriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này Hiền giả Ānanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Hiền giả Ānanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Sự giải thích của Đạo sư và đệ tử tương hợp, tương hội, không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lời, tức là đối với câu tối thượng. Thưa Hiền giả, vừa rồi tôi đã đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này, Thế Tôn với những câu thế này, với những lời thế này, đã trả lời về ý nghĩa này, giống như Tôn giả Sāriputta. Thật vi diệu thay, Hiền giả! Thật hy hữu thay, Hiền giả! Sự giải thích của Đạo sư và đệ tử tương hợp, tương hội, không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lời, tức là đối với câu tối thượng.

VIII. KINH TÁC Ý (*Manasikārasutta*) (*A*. V. 321)

8. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc, có thể không tác ý

đến tai, có thể không tác ý đến tiếng, có thể không tác ý đến mũi, có thể không tác ý đến hương, có thể không tác ý đến lưỡi, có thể không tác ý đến vị, có thể không tác ý đến thân, có thể không tác ý đến xúc, có thể không tác ý đến đất, có thể không tác ý đến nước, có thể không tác ý đến lửa, có thể không tác ý đến gió, có thể không tác ý đến Không vô biên xứ, có thể không tác ý đến Thức vô biên xứ, có thể không tác ý đến Vô sở hữu xứ, có thể không tác ý đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có thể không tác ý đến đời này, có thể không tác ý đến đời sau, và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý?

– Này Ānanda, có thể như vậy: Một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.

– Bạch Thế Tôn, nhưng thế nào, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý?

– Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tác ý như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.

IX. KINH SADDHA (*Saddhasutta*)[8] (*A*. V. 322)

9. Một thời, Thế Tôn trú ở Nātika, tại ngôi nhà có lợp ngói. Rồi Tôn giả Saddha[9] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Saddha đang ngồi một bên:

– Này Saddha, hãy tu thiền với sự thiền định của con ngựa thuần thục, chớ có với thiền định của con ngựa chưa thuần thục. Và này Saddha, thế nào là thiền định của con ngựa chưa thuần thục?

Con ngựa chưa thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, liền suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Vì sao? Này Saddha, con ngựa chưa thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, không có nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo đáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, chỉ suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Cũng vậy, này Saddha, ở đây có hạng người chưa được thuần thục, khi đi đến khu rừng, hay khi đi đến gốc cây, hay khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham vào trong, rồi thiền tư, thiền lự, thiền liên tục, thiền quán, trú với tâm bị sân ám

[8] Xem *A*. V. 336; *GS*. V. 216 (kinh 15 ở sau); *S*. II. 153. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.926. 0235c27); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.151. 0430c10).

[9] Tôn giả Saddha còn được gọi tên là Sandha.

ảnh, bị sân chi phối... trú với tâm bị hôn trầm thụy miên ám ảnh, bị hôn trầm thụy miên chi phối... trú với tâm bị trạo hối ám ảnh, bị trạo hối chi phối... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh, bị nghi hoặc chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong, rồi thiền tư, thiền lự, thiền liên tục, thiền quán. Người ấy thiền tư y chỉ vào đất, thiền tư y chỉ vào nước, thiền tư y chỉ vào lửa, thiền tư y chỉ vào gió, thiền tư y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư y chỉ vào đời này, thiền tư y chỉ vào đời sau, và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đấy, người ấy thiền tư. Như vậy, này Saddha là người thiền tư không thuần thục.

Và này Saddha, như thế nào là thiền tư như con ngựa thuần thục?

Con ngựa hiền lương, này Saddha, con ngựa được thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, không có suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Vì sao? Này Saddha, con ngựa đã thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, suy nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo đáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, không có suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Con ngựa hiền lương, này Saddha, được thuần thục, nhìn sự áp dụng cây gậy thúc ngựa như là món nợ, như là trói buộc, như là một thiệt hại, như là một điềm xấu.[10] Cũng vậy, này Saddha, người hiền thiện, thuần thục, khi đi đến khu rừng, khi đi đến gốc cây, khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm không bị dục tham ám ảnh, không bị dục tham chinh phục, như thật quán tri sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Vị ấy an trú với tâm không bị sân ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị si ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị trạo hối ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị nghi hoặc ám ảnh, không bị nghi hoặc chinh phục, như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Vị ấy thiền tư không y chỉ[11] vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gió, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn có thiền tư. Lại nữa, này Saddha, với vị ấy thiền tư như vậy, chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thục,

---

[10] Xem *GS*. II. 119.

[11] *Nā nissāya* hay *niyantiyā abhāveneva*, nghĩa là do không có sự chế ngự. Vị ấy chứng Niết-bàn với sự thành tựu các đề mục thiền định. Xem *AA*. V. 80.

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người bậc thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài thiền,
Chúng tôi không được biết?

Khi nghe nói như vậy, Tôn giả Saddha bạch Thế Tôn:

– Thiền tư như thế nào, bạch Thế Tôn, là người hiền thiện thuần thục thiền tư? Vị ấy thiền tư không y chỉ vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gió, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được đạt đến, được ý suy tư, vị ấy thiền tư, không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn thiền tư. Thiền tư như thế nào, bạch Thế Tôn, là người hiền thiện thuần thục, khiến chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thục,
Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người bậc thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài thiền,
Chúng tôi không được biết?

– Ở đây này Saddha, với người hiền thiện thuần thục, tưởng đất trong đất được sáng tỏ, tưởng nước trong nước được sáng tỏ, tưởng gió trong gió được sáng tỏ, tưởng lửa trong lửa được sáng tỏ, tưởng Không vô biên xứ trong Không vô biên xứ được sáng tỏ, tưởng Thức vô biên xứ trong Thức vô biên xứ được sáng tỏ, tưởng Vô sở hữu xứ trong Vô sở hữu xứ được sáng tỏ, tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ được sáng tỏ, tưởng thế giới này trong thế giới này được sáng tỏ, tưởng thế giới sau trong thế giới sau được sáng tỏ, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được đạt đến, được ý suy tư, tưởng ấy được sáng tỏ. Thiền tư như vậy, này Saddha, là người đã hiền thiện thuần thục, vị ấy thiền tư không y chỉ vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gió, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn thiền tư. Do thiền tư như vậy, này Saddha, là người hiền thiện thuần thục, khiến chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thục,
Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người bậc thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài thiền,
Chúng tôi không được biết?

X. KINH RỪNG KHỔNG TƯỚC (*Moranivāpasutta*)[12] (*A*. V. 326)

10. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng Khổng Tước ở khu vườn các du sĩ. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Vô học giới uẩn, vô học định uẩn, vô học tuệ uẩn.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Biến hóa thần thông, Ký thuyết thần thông, Giáo hóa thần thông.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Với chánh tri kiến, với chánh trí, với chánh giải thoát.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là hai? Với minh và với hạnh.

---

[12] Tham khảo: *A*. I. 291; III. 143; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.925. 0235c06); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.149. 0429c11).

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, đây là những bài kệ do Phạm thiên Sanankumāra nói lên:

Sát-ly, chúng tối thắng,
Với người tin chủng tánh,
Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ,
Tối thắng giữa nhân, thiên.

Này các Tỷ-kheo, những bài kệ này được khéo hát lên, không phải vụng hát, được khéo nói lên, không phải vụng nói, liên hệ đến mục đích, không phải không liên hệ đến mục đích và được Ta chấp nhận. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói lên như vậy:
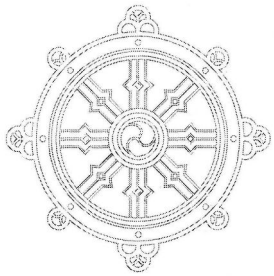
Sát-ly, chúng tối thắng,
Với người tin chủng tánh,
Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ,
Tối thắng giữa nhân, thiên.